

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 03/2023/DS-ST
Ngày 17-02-2023
V/v Tranh chấp vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuyết Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dư Thị Út
2. Bà Khuru Liên Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Mỹ Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 307A/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2022/QĐXX-ST ngày 23 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Trúc L, sinh năm 1980; địa chỉ: Số B, khóm N, phường Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn N, sinh năm 1964 và bà Vương Thị M, sinh năm 1971; địa chỉ: Số A, khóm N, phường Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Các đương sự bà L, bà M có mặt, ông N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Phạm Trúc L trình bày:***

Giữa bà Phạm Trúc L và ông Trần Văn N và bà Vương Thị M có quen biết do là hàng xóm gần nhà nên bà L cho ông N và bà M vay, mượn tiền nhiều lần. Năm 2014 đến năm 2019, bà M cần tiền để sửa sang nhà cửa và chăm lo cho con cái, đi đám tiệc ... nên có hỏi mượn tiền của bà L nhiều lần, mỗi lần từ 500.000 đồng, 1.000.000 đồng đến khoảng vài chục triệu đồng. Đầu năm 2019, do bà M bị bệnh nên mượn tiền bà L để đi khám bệnh tại thành phố Hồ Chí Minh. Vài tháng sau thì anh Trần B là con của ông N, bà M bị tai nạn giao thông

bị thương nên bà M tiếp tục mượn tiền của bà. Số tiền cụ thể từng lần mượn và ngày mượn tiền, mục đích mượn tiền thì bà L không nhớ. Đến ngày 16/7/2019 và bà M và con gái bà là chị Trần Thị Ngọc H có cộng lại số tiền đã mượn tổng cộng là 400.000.000 đồng. Do số tiền nợ quá lớn, bà M không có khả năng thanh toán ngay nên bà L và bà M ghi biên nhận nợ ngày 16/7/2019, bà M ký, viết tên vào mục người mượn nợ tại biên nhận làm bằng chứng.

Khi bà L cho bà M mượn tiền không có mặt ông Trần Văn N, ông N không ký tên vào biên nhận nợ nhưng bà L xác định đây là nợ chung của hai vợ chồng ông N, bà M. Đầu năm 2022, ông N nộp đơn yêu cầu ly hôn, chia tài sản nên bà L khởi kiện ông yêu ông N và bà M cùng có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc cho bà là 400.000.000 đồng và lãi từ ngày 17/7/2019 đến khi thanh toán xong các khoản tiền theo lãi suất quy định pháp luật.

** Tại các lời khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Vương Thị M trình bày:*

Ông N, bà M có vay tiền của bà Phạm Trúc L nhiều lần mỗi lần vay khoảng từ 500.000 đồng, 1.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Do vay nhiều lần số tiền vay không giống nhau nên bà M không nhớ rõ cụ thể từng lần vay là bao nhiêu và vay thời gian nào, để làm gì. Tuy nhiên ngày 16/7/2019, bà M và bà L cộng lại số tiền và bà M thống nhất có vay bà L số tiền 400.000.000 đồng, chữ ký và chữ viết trong biên nhận ngày 16/7/2019 cũng là của bà M ký và viết ra và đồng ý trả nợ gốc, lãi như yêu cầu khởi kiện của bà L.

Khoản tiền nợ của bà L nêu trên tuy ông Trần Văn N không ký tên vào biên nhận vay tiền nhưng ông N cũng biết về khoản nợ này, mục đích bà M vay tiền là để chữa bệnh cho bà và con trai là anh Trần B và sử dụng để phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình nên là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân của ông N và bà M. Vì vậy, bà M yêu cầu ông N cùng có trách nhiệm trả nợ chung với bà.

Ông Trần Văn N đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, phiên họp nhưng vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận ý kiến được.

Tại phiên tòa các đương sự giữ nguyên các ý kiến đã trình bày, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác và không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người làm chứng. Bà Phạm Trúc L rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về phần lãi. Bà L không yêu cầu ông N, bà M trả lãi của số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng tính từ ngày 17/7/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát không có kiến nghị gì. Ông Trần Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó căn cứ khoản 2 Điều 227;

khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông N là đúng quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Trúc L đối với bà Vương Thị M; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Trúc L đối với ông Trần Văn N.

Buộc bà Vương Thị M có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền nợ vay gốc là 400.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Trúc L về phần tiền lãi của số tiền gốc 400.000.000 đồng tính từ ngày 17/7/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu. Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 400.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền này, đây là tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn ông Trần Văn N và bà Vương Thị M cùng có nơi cư trú tại khóm N, phường Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Ông Trần Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông Trần Văn N.

Về thời hiệu khởi kiện: Biên nhận vay số tiền 400.000.000 đồng bà M và bà L ký kết ngày 16/7/2019, tính đến ngày khởi kiện đã trên 03 năm, tuy nhiên bà M thừa nhận nghĩa vụ nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 157; Điều 429; điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn còn thời hiệu khởi kiện.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án không ghi nhận ý kiến của ông Trần Văn N được nên tiến hành thu thập tài liệu có trong hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 142/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu về việc tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn giữa nguyên đơn là ông Trần Văn N với bị đơn là bà Vương Thị M theo quy định pháp luật tại Điều 93, Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Phạm Trúc L yêu cầu ông Trần Văn N và bà Vương Thị M trả cho bà L số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà Phạm Trúc L rút lại yêu cầu khởi kiện về phần tiền lãi trên số tiền nợ gốc, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận và đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với

phần tiền lãi trên số tiền 400.000.000 đồng tính từ ngày 17/7/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm của bà L.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Trúc L yêu cầu bà Vương Thị M trả số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng, bà Vương Thị M thống nhất nợ bà L số tiền này và đồng ý trả nợ nên có cơ sở xác định giao dịch vay số tiền 400.000.000 đồng giữa bà M và bà L là có xảy ra trên thực tế, đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Đối với ông Trần Văn N không có ý kiến trình bày, tuy nhiên căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trong vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 142/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu về việc tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn giữa nguyên đơn là ông Trần Văn N với bị đơn là bà Vương Thị M thì ông N xác định không nợ bà L khoản tiền 400.000.000 đồng và không đồng ý trả tiền. Ông Trần Văn N không ký tên vào biên nhận vay tiền và không thừa nhận nợ nên căn cứ khoản 1 Điều 37 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì không có căn cứ xác định là đây giao dịch phát sinh từ giao dịch do vợ chồng ông N, bà M cùng thỏa thuận xác lập, chỉ có căn cứ xác định giao dịch được xác lập giữa bà Vương Thị M và bà Phạm Trúc L.

Bà Vương Thị M và bà Phạm Trúc L xác định khoản tiền vay 400.000.000 đồng từ năm 2015 đến 2019, bà M sử dụng để lo cho con cái, sửa chữa nhà cửa, khám bệnh ... phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình nên là nợ chung vợ chồng. Xét ý kiến trình bày của bà M, bà L thấy rằng: Ông Trần Văn N và bà Vương Thị M có 02 con chung là Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1990 và Trần B, sinh năm 1993, thời điểm 2014 đến năm 2019, các con chung đã trưởng thành; đồng thời, bà M cũng thống nhất khi bà M và ông N được nhà nước bồi thường giải phóng mặt bằng mở rộng tuyến đường Cao Văn Lầu số tiền 495.980.850 đồng, ông bà sử dụng số tiền này sửa chữa nhà nên không có căn cứ chấp nhận ý kiến trình bày của bà Vương Thị M về việc mượn tiền bà L sửa nhà, chăm lo cho con cái. Bà L và bà M đều xác định có xác lập giao dịch vay tiền nhưng không nhớ rõ từng khoản tiền vay là bao nhiêu, không xác định được thời gian vay, mục đích vay, không nhớ rõ thỏa thuận tiền lãi theo lãi suất là bao nhiêu, số tiền lãi bà M đã trả và bà Vương Thị M cũng không cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng minh cho mục đích vay tiền là để khám chữa bệnh của bà M và anh Trần B như bà M trình bày. Do không chứng minh được số tiền bà M vay được sử dụng cho nhu cầu thiết yếu của vợ chồng nên căn cứ Điều 45 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định về Nghĩa vụ riêng về tài sản của vợ, chồng “*Vợ, chồng có các nghĩa vụ riêng về tài sản sau đây: ...3. Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do một bên xác lập, thực hiện không vì nhu cầu của gia đình*” ông Trần Văn N không có nghĩa vụ liên đới chịu trách nhiệm trả nợ chung với bà Vương Thị M.

Từ nội dung trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L đối với bà M về số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Trúc L đối với ông Trần Văn N.

Như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

[3] Về án phí: Ông Trần Văn N không phải nộp án phí. Bà Vương Thị M có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Trúc L số tiền nợ vay gốc và lãi là 400.000.000 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là: $400.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 20.000.000 \text{ đồng}$.

Bà L không phải nộp án phí, bà L đã dự nộp tạm ứng án phí 10.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008046 ngày 03/11/2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bạc Liêu được hoàn lại toàn bộ

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 217; khoản 1 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng vào điểm a, b khoản 1 Điều 157; Điều 429; Điều 463; 466; 468; 470; điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 37; Điều 45 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Trúc L với bà Vương Thị M. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Trúc L đối với ông Trần Văn N.

2. Buộc bà Vương Thị M trả cho bà Phạm Trúc L số tiền gốc 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*)

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Trúc L đối với số tiền lãi trên số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng tính từ ngày 17/7/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

3. Về án phí:

Ông Trần Văn N không phải nộp án phí.

Bà Vương Thị M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 20.000.000 đồng.

Bà L không phải nộp án phí, bà L đã dự nộp tạm ứng án phí 10.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008046 ngày 03/11/2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bạc Liêu được hoàn lại toàn bộ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thành Tp. Bạc Liêu;
- CCTHADS Tp. Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thị Tuyết Anh